

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh **Vũ Mạnh H**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: 78/63 Cát Quế, Tổ 22, Thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Ngọc G**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: 457 Hàm Nghi, Tổ 19, Thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Mạnh H và chị Nguyễn Ngọc G.

2- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1- Về quan hệ hôn nhân:

Anh Vũ Mạnh H và chị Nguyễn Ngọc G thuận tình ly hôn.

2.2- Về con chung:

Giao 01 con chung là cháu Phạm Hưng T, sinh ngày 15/12/2017 cho chị Nguyễn Ngọc G có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên. Anh Vũ Mạnh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4- Về nợ chung: Vợ chồng anh Vũ Mạnh H, chị Nguyễn Ngọc G thống nhất còn nợ chung gồm:

- Nợ bà Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1967; địa chỉ: Tổ 22, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng số tiền 80.000.000đ.

- Nợ bà Vũ Thị N2, sinh năm: 1989; địa chỉ: Tổ 22, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng số tiền 10.000.000đ.

- Nợ ông Nguyễn Hữu N3, sinh năm: 1969; địa chỉ: Tổ 19, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng số tiền 60.000.000đ.

- Nợ ông Phạm Văn N4, sinh năm: 1983; địa chỉ: Tổ 23, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng số tiền 70.000.000đ.

- Nợ bà Nguyễn Thị N5, sinh năm: 1964; địa chỉ: Tổ 22, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng số tiền 240.000.000đ.

Do vợ chồng anh Vũ Mạnh H, chị Nguyễn Ngọc G, bà Nguyễn Thị N1, bà Vũ Thị N2, ông Nguyễn Hữu N3, ông Phạm Văn N4, bà Nguyễn Thị N5 không yêu cầu giải quyết nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

2.5- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Anh Vũ Mạnh H phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0012879 ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Anh Vũ Mạnh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

3- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4- Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-VKSND, TAND tỉnh Lâm Đồng;

-VKSND, Chi cục THADS huyện B;

-UBND TT L, huyện B;

-Các đương sự;

-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Đức Trường